

Bản án số: **62** /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07/11/2018

V/v: “Tranh chấp ly hôn,  
chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Lợi

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Quý

Bà Nguyễn Thị Liên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2018/TLST- HNGĐ ngày 05/6/2018 về “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/10/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29/10/2018 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1962.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Đội 12, xóm TR, thôn YK, xã ĐPY, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

**2. Bị đơn:** Ông Đỗ Huy C (Đỗ Huy T), sinh năm 1957.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Đội 12, xóm TR, thôn YK, xã ĐPY, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Anh Đỗ Huy K, sinh năm 1985 (con đẻ bà L – ông C)

3.2. Anh Đỗ Huy S, sinh năm 1988 (con đẻ bà L – ông C)

3.3. Anh Đỗ Huy N, sinh năm 1997 (con đẻ bà L – ông C)

Cùng cư trú: Xóm TR, thôn YK, xã ĐPY, huyện CM, Tp. Hà Nội.

Anh K, anh N, anh S đều ủy quyền cho ông Đỗ Huy C theo giấy ủy quyền ngày 27/9/2018.

3.4. Chị Đỗ Thị X, sinh năm 1993 (con đẻ bà L – ông C)

Nơi cư trú: Thôn LS, xã ĐS, huyện CM, Tp. Hà Nội.

Chị Đỗ Thị X ủy quyền cho ông Đỗ Huy C theo giấy ủy quyền ngày 27/9/2018.

Có mặt: Bà L, ông C, anh K

Vắng mặt: Anh S, anh N, chị X.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Trong đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện và tại các bản khai, nguyên đơn bà Đỗ Thị L trình bày:**

**1.1. Về quan hệ hôn nhân:** Bà và ông Đỗ Huy C (Đỗ Huy T), sinh năm 1957 có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào tháng 5 năm 1982 tại UBND xã ĐPY, huyện CM, tỉnh Hà Tây (cũ), đã được cấp đăng ký kết hôn nhưng bị thất lạc. Bà đã làm đơn xin xác nhận về việc đã đăng ký kết hôn và được UBND xã ĐPY xác nhận: “*Bà Đỗ Thị L và ông Đỗ Huy C có hộ khẩu thường trú tại địa phương hiện đang chung sống với nhau là vợ chồng*”. UBND xã ĐPY đã có thông báo số 06/TB-UBND ngày 26/01/2018 trả lời về việc sổ đăng ký kết hôn năm 1982 của xã không còn lưu trữ.

Sau khi kết hôn vợ chồng bà về chung sống cùng gia đình nhà chồng được hai năm thì bố mẹ chồng không cho ở nữa vợ chồng phải ra kho của hợp tác xã ở được mấy tháng thì mua đất tại địa chỉ hiện tại của xã, vợ chồng làm nhà chuyển ra ở xóm TR, thôn YK, xã ĐPY. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau và kinh tế khó khăn dẫn đến thường xuyên xảy ra xích mích, cãi cọ nhau. Từ năm 2013, mâu thuẫn càng tăng vợ chồng đã ly thân nhưng vẫn ở cùng một nhà, một mình bà ăn riêng, ông C và các con ăn riêng, việc ai người ấy làm, con cái bà vẫn quan tâm chăm sóc.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Huy C.

**1.2. Về con chung:** Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà có 04 con chung là: Đỗ Huy K, sinh năm 1985; Đỗ Huy S, sinh năm 1988; Đỗ Thị X, sinh năm 1993; Đỗ Huy N, sinh năm 1997. Cháu X lấy chồng và chuyển về nhà chồng tại thôn LS, xã ĐS, huyện CM, Tp. Hà Nội từ năm 2014. Hiện tại cháu K, cháu S, cháu N đang ở cùng vợ chồng bà và chưa ai lập gia đình. Các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**1.3. Về tài sản chung:** Bà xác nhận vợ chồng có 01 khối tài sản chung là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05, diện tích 348m<sup>2</sup> tại xóm TR, thôn YK, xã ĐPY, huyện CM, Tp. Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Đỗ Huy C được UBND huyện CM, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp ngày 28/11/2002; trên đất có 01 nhà cấp 4 mái ngói 04 gian làm năm 2000, 01 nhà bán mái lợp mái fibro ximăng làm năm 2009, 02 gian nhà bán mái lợp mái fibro ximăng làm năm 2012, tiền làm nhà là tiền của vợ chồng. Nay bà đề nghị chia đôi nhà đất theo chiều dọc. Nếu ông C lấy phần nhà đất bên tay trái từ đường nhìn vào thì bà lấy phần nhà đất bên phải, nếu ông C lấy phần bên phải thì bà lấy phần bên trái. Bên nào nhận được phần giá trị cao hơn thì phải thanh toán tiền chênh lệch cho bên kia.

**1.4. Về nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**1.5. Về án phí:** Bà L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**2. Bị đơn ông Đỗ Huy C xác nhận và trình bày:**

**2.1. Về quan hệ hôn nhân:** Ông xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn như bà L trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng như bà L khai là không đúng, thực tế mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 4 năm 2017 nguyên nhân do bà L bị trầm cảm phải đi điều trị ở bệnh viện Bạch Mai, sau đó về nhà uống thuốc. Bố con ông yêu cầu bà L uống thuốc thì bà không uống mà chửi bới bố con ông. Trước đó, cuối năm 2010 bà L mang thóc đi bán lấy tiền vào miền Nam làm thuê ở riêng trong đó. Đến giữa năm 2011, bà L về nhà và tiếp tục ăn riêng và kinh tế riêng, không quan tâm gì đến chồng con. Đến năm 2013, bà L tự cấm ruộng riêng phần của mình để cày cấy riêng. Bố con ông không đánh đập chửi bới gì bà L.

Nay bà L xin ly hôn với ông tại Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, ông đồng ý để Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết. Ông xác định vẫn còn tình cảm với bà L, tuổi đã cao, các con chung chưa lập gia đình nên ông không đồng ý ly hôn.

**2.2. Về con chung:** Trong quá trình chung sống vợ chồng ông có 04 con chung họ tên và năm sinh đúng như bà L trình bày. Cháu X lấy chồng chuyển về nhà chồng từ năm 2014. Hiện tại cháu K, cháu S, cháu N đang ở cùng vợ chồng ông C và chưa ai lập gia đình. Hiện tại các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.3. Về tài sản chung:** Ông C xác nhận vợ chồng ông đã tạo lập được một số tài sản chung: Khoảng năm 1987 vợ chồng ông được Hợp tác xã cấp cho một thửa đất tại xóm TR, thôn YK, xã ĐPY, huyện CM. Ngày 28/11/2002, được UBND huyện CM, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 241502 mang tên hộ ông Đỗ Huy C (Đỗ Duy C) đối với thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05, diện tích 348m<sup>2</sup> tại xóm TR, thôn YK, xã ĐPY, huyện CM. Trên thửa đất này, vợ chồng ông đã tạo lập được các tài sản sau: Năm 2000, vợ chồng ông C có xây được 01 ngôi nhà cấp 4 có 04 gian lợp mái ngói; UBND xã hỗ trợ cho gia đình 5.000.000 đồng, số tiền còn lại do hai vợ chồng tích góp xây dựng. Năm 2012, vợ chồng ông C có vay của hội nông dân số tiền 7.000.000 đồng để làm 01 gian bán mái lợp fibro ximăng để làm bếp. Ông C đã đứng ra trả hết số tiền này. Nguồn gốc số tiền trả nợ là do các con của ông bà (gồm cả con trai và con gái) đi làm đưa tiền cho ông C trả nợ dần. Năm 2015, ông C cùng 03 con trai xây được thêm 02 gian bán mái lợp fibro ximăng diện tích khoảng 25m<sup>2</sup> hết khoảng 10.000.000 đồng. Tiền làm nhà là do ông C và 03 con trai cùng đóng góp tiền. Số tiền đóng góp cụ thể của mỗi cháu thì ông C không nhớ vì các cháu đi làm về đưa tiền cho ông để chi tiêu sinh hoạt gia đình và tích góp xây nhà. Tháng 9 năm 2018 ông C có làm mới 01 mái vẩy tiếp giáp 02 gian bán mái fibro ximăng làm năm 2015 vì mái vẩy trước đó bị hỏng. Số tiền làm mái vẩy hết 2.000.000 đồng.

Trường hợp vợ chồng ly hôn, ông đề nghị phân chia tài sản như sau: Đối với nhà đất tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05 tại xóm TR, thôn YK, xã ĐPY, huyện CM, Tp. Hà Nội được cấp cho hộ gia đình ông Đỗ Huy C (Đỗ Duy C)

ngày 28/11/2002 (gồm cả vợ chồng và 04 con) nên đề nghị chia đều cho 06 thành viên trong hộ tại thời điểm cấp giấy chứng nhận gồm vợ chồng ông và 04 con theo chiều dọc từ ngoài đường vào hết đất. Các công trình xây dựng trên đất đều đã xây dựng lâu rồi nên không yêu cầu các bên nhận được tài sản trên đất phải thanh toán giá trị chênh lệch đối với tài sản trên đất. Ai được đất đến đâu thì phải tự dỡ tài sản xây dựng trên đất.

**2.4. Về công nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.5. Về án phí:** Ông C đề nghị bà L phải chịu toàn bộ án phí vì bà L xin ly hôn và yêu cầu chia tài sản.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Đỗ Huy K trình bày:** Anh đồng ý với ý kiến của ông C trình bày trên, không bổ sung gì. Anh đề nghị Tòa án chia đất làm 06 phần bằng nhau, nếu ai nhận được phần tài sản nào thì phải tự tháo dỡ tài sản trên đất. Quá trình chung sống cùng gia đình anh có đưa tiền để ông C làm nhà nhưng anh không có tài liệu chứng cứ gì xuất trình.

**4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Đỗ Huy S, chị Đỗ Thị X, anh Đỗ Huy N do ông Đỗ Huy C làm người đại diện theo ủy quyền trình bày:** Đồng ý với ý kiến trình bày của bị đơn – ông Đỗ Huy C và anh Đỗ Huy K.

**5. Tòa án đã tiến hành xác minh và thu thập chứng cứ:**

**5.1.** Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/10/2018 xác định: Thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05, diện tích 348m<sup>2</sup> tại xóm TR, thôn YK, xã ĐPY, huyện CM, Tp. Hà Nội do UBND huyện Chương Mỹ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 241502 ngày 28/11/2002 cho chủ sử dụng là hộ ông Đỗ Huy C (Đỗ Duy C), đo thực tế là 339,5m<sup>2</sup>. Các đương sự đều xác định kể từ khi quản lý, sử dụng đến nay, hộ gia đình ông C không lấn chiếm, mua thêm hoặc chuyển nhượng với ai khác. Các tứ cận trùng với sơ đồ thửa đất thể hiện trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các tài sản gắn liền trên thửa đất gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 bốn gian, xây tường gạch, lợp mái ngói diện tích 36,8 m<sup>2</sup>; 02 gian nhà bán mái lợp fibro ximăng diện tích 29,3 m<sup>2</sup>; 01 gian bếp lợp mái fibro ximăng diện tích 26,3 m<sup>2</sup>; mái vẩy diện tích 25 m<sup>2</sup>; sân, ngõ đi láng xi măng diện tích 161,5 m<sup>2</sup>; tường bao xây gạch ba banh và gạch đỏ; cổng sắt.

**5.2.** Biên bản định giá ngày 05/10/2018 thể hiện: Giá trị quyền sử dụng đất ở là 1.500.000 đồng/m<sup>2</sup>; 01 nhà cấp 4 bốn gian giá trị còn lại: 4.163.920 đồng; 02 gian bán mái lợp fibro ximăng giá trị còn lại: 25.812.225 đồng; 01 gian bếp lợp fibro ximăng giá trị còn lại: 9.929.715 đồng; 01 mái vẩy giá trị còn lại: 6.906.675 đồng; sân, ngõ đi láng xi măng giá trị còn lại: 13.469.100 đồng; tường bao xây gạch ba banh và gạch đỏ giá trị còn lại: 13.437.040 đồng; cổng sắt giá trị còn lại: 100.000 đồng.

**6. Ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa:**

**6.1. Ý kiến của bà L:**

- **Về tình cảm:** Bà vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn ông C vì tình cảm vợ chồng không còn.

- **Về con chung:** Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Bà xác định nhà đất là của vợ chồng bà, các con không đóng góp công sức gì. Bà đề nghị chia đôi nhà đất làm 2 phần theo chiều dọc, bà ở bên nào cũng được, bên nào được chia giá trị cao hơn thì phải thanh toán chênh lệch cho bên kia.

### **6.2. Ý kiến của ông C:**

- **Về tình cảm:** Ông C xác định vẫn còn tình cảm với bà L nên ông không đồng ý ly hôn.

- **Về con chung:** Các con đã đến tuổi trưởng thành, tự lập về kinh tế nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Nếu ly hôn ông xác định đất cấp cho hộ gia đình nên bốn con cũng có quyền lợi. Ông đề nghị Tòa án chia nhà đất làm 06 phần bằng nhau vì các con ông cũng đóng góp công sức xây nhà.

### **6.3. Ý kiến của anh K:**

Anh đồng ý với ý kiến của ông C đề nghị Tòa án chia nhà đất làm 06 phần. Quá trình chung sống cùng bố mẹ anh đi làm có đưa tiền cho ông C để xây 02 gian nhà năm 2015 nhưng anh không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh.

**6.4. Ý kiến của anh S, anh N, chị X do ông C là đại diện theo ủy quyền:**  
Đồng ý với ý kiến của anh K.

## **7. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ phát biểu ý kiến tại phiên tòa:**

**7.1. Về tố tụng:** Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

### **7.2. Về việc giải quyết vụ án:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Đề nghị cho bà Đỗ Thị L được ly hôn ông Đỗ Huy C.

- **Về con chung:** Cả 04 con chung của bà L - ông C đều đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- **Về tài sản chung:** Ông C và bà L đều xác nhận có 01 tài sản chung là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05, diện tích 348m<sup>2</sup> tại xóm TR, thôn YK, xã ĐPY, huyện CM, Thành phố Hà Nội được UBND huyện CM, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/11/2002 mang tên hộ ông Đỗ Huy C.

Bà L đề nghị chia đôi nhà đất theo chiều dọc. Nếu ông C lấy phần nhà đất bên tay trái từ đường nhìn vào thì bà L lấy bên phải và ngược lại, nếu ông C lấy

bên phải thì bà L lấy bên trái. Bên nào nhận được phần giá trị cao hơn thì phải thanh toán số tiền chênh lệch.

Ông C đề nghị chia đều cho 06 thành viên trong hộ tại thời điểm cấp giấy chứng nhận gồm vợ chồng ông C và 04 con theo chiều dọc từ ngoài đường vào hết đất. Các công trình xây dựng trên đất đều có sự đóng góp của các con, bà L đã ăn riêng và làn kinh tế riêng từ lâu nên không đóng góp gì. Tuy nhiên các công trình đã xây dựng lâu rồi nên không yêu cầu các bên nhận được tài sản trên đất phải thanh toán giá trị chênh lệch đối với tài sản trên đất. Ai được đất đến đâu thì phải tự dỡ nhà trên đấy.

Xét thấy nguồn gốc thửa đất là do sau khi kết hôn vợ chồng không có nơi ở nên được hợp tác xã giao đất, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện nguồn gốc đất là do HTX cấp năm 1980. Tuy nhiên bà L và ông C đều khai nguồn gốc đất là được HTX cấp khoảng năm 1987 – 1989 có thu tiền nhưng không nhớ rõ là thu bao nhiêu tiền. Đối với các tài sản trên đất ông C cho rằng do ông C và các con đóng góp, bà L không có đóng góp gì do làm kinh tế riêng nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào chứng minh nguồn gốc tiền xây dựng các công trình trên đất. Vì vậy có căn cứ xác định toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05, diện tích đo thực tế là 339,5m<sup>2</sup> tại xóm TR, thôn YK, xã ĐPY, huyện CM, Tp. Hà Nội đây là tài sản chung vợ chồng của bà L và ông C, tài sản hình thành từ trước khi các con ông C - bà L sinh ra và trong thời kỳ hôn nhân giữa ông C và bà L nên căn cứ Điều 59, 61, 62 Luật hôn nhân và gia đình 2014 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung vợ chồng của bà L.

- *Về án phí:* Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **1. Về thủ tục tố tụng:**

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Quan hệ pháp luật xác định trong vụ án là “*Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn*”, việc thụ lý và giải quyết của Tòa án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **2. Nội dung vụ án:**

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị L và ông Đỗ Huy C trên cơ sở tự nguyện. Bà L và ông C đều xác nhận có đăng ký kết hôn vào tháng 5 năm 1982 tại UBND xã ĐPY, huyện CM nhưng bị thất lạc giấy chứng nhận kết hôn. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10 ngày 09/6/2000 và Mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày

03/01/2001 thì quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông C là hợp pháp và được công nhận từ tháng 5 năm 1982.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn về quan điểm sống, kinh tế. Từ năm 2011 đến nay, bà L - ông C mặc dù sống chung một nhà nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn giúp đỡ nhau, chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Ông bà đã sống L thân, ăn riêng, làm kinh tế riêng. Theo xác minh tại địa phương, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn căng thẳng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải về đoàn tụ nhưng bà L nhất quyết xin ly hôn và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Ông C không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

**[2] Về con chung:** Bà L và ông C đều xác nhận có 04 con chung là: Anh Đỗ Huy K, sinh năm 1985; anh Đỗ Huy S, sinh năm 1988; chị Đỗ Thị X, sinh năm 1993; anh Đỗ Huy N, sinh năm 1997. Hiện tại cả 04 con chung của bà L – ông C đều đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần. Vì vậy Tòa án không xem xét, giải quyết.

**[3] Về tài sản chung:**

**[3.1]. Xác định tài sản chung của vợ chồng:**

Nguyên đơn – bà Đỗ Thị L; Bị đơn – ông Đỗ Huy C đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều xác nhận bà L – ông C có khối tài sản chung là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05, diện tích 348m<sup>2</sup> tại xóm TR, thôn YK, xã ĐPY, huyện CM, Tp. Hà Nội. Trên thửa đất này có 01 ngôi nhà cấp 4 xây tường gạch, lợp mái ngói 04 gian; 01 gian nhà bán mái lợp fibro ximăng để làm bếp; 02 gian bán mái lợp fibro ximăng để ở; 01 mái vẩy liền kề nhà 02 gian bán mái fibro ximăng; 02 cây xoài.

Khối tài sản chung tranh chấp: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05, diện tích 348m<sup>2</sup> tại xóm TR, thôn YK, xã ĐPY, huyện CM, Tp. Hà Nội. Xét theo hồ sơ và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 241502 được UBND huyện CM, tỉnh Hà Tây (cũ) nay là Thành phố Hà Nội cấp ngày 28/11/2002 cho hộ ông Đỗ Huy C (Đỗ Duy C). Nguồn gốc thửa đất theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ là được Hợp tác xã giao đất năm 1980 trước thời kỳ hôn nhân. Sau khi kết hôn với bà L, ông C đã đăng ký QSDĐ đứng tên hộ ông Đỗ Huy C.

Tuy nhiên trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bà L và ông C đều khẳng định được UBND xã ĐPY cấp vào năm 1987.

Quá trình thu thập chứng cứ Tòa án lấy lời khai của ông Đỗ Văn D – hàng xóm và là người cùng được cấp đất cùng thời điểm với vợ chồng bà L - ông C và xác minh với cán bộ lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ

ông Đỗ Huy C năm 2002 thì nguồn gốc thửa đất trên của bà L – ông C do được UBND xã ĐPY cấp năm 1983-1984 có thu tiền.

Từ đó có đủ cơ sở xác định Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05 tại xóm TR, thôn YK, xã ĐPY, huyện CM, Tp. Hà Nội là khối tài sản chung của bà L, ông C.

**[3.2]. Công sức đóng góp tạo lập khối tài sản chung và yêu cầu chia của các bên đương sự:**

- **Về quyền sử dụng đất:** Thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05 tại xóm TR, thôn YK, xã ĐPY, huyện CM, Tp. Hà Nội có nguồn gốc bà L - ông C được UBND xã ĐPY, huyện CM cấp có thu tiền sử dụng đất năm 1983-1984 trong thời kỳ hôn nhân. Ngày 28/11/2002, UBND huyện CM, tỉnh Hà Tây (cũ) đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 241502 đối với thửa đất này cho hộ ông Đỗ Huy C (Đỗ Duy C). Do đó, bà L và ông C có công sức ngang nhau trong việc tạo lập khối tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với thửa đất này. Xét thấy bà L và ông C đều không có chỗ ở nào khác. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về nơi cư trú cần chia đôi thửa đất là phù hợp với Điều 33; Điểm b Khoản 2 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Hiện tại bà L đang ở và sử dụng một phần nhà cấp 4 lợp mái ngói bên tay phải từ ngõ nhìn vào; ông C và các con đang ở, sử dụng một phần nhà cấp 4 lợp mái ngói và 02 gian nhà xây gạch ba banh lợp mái fibro ximăng bên tay trái từ ngõ nhìn vào. Để đảm bảo hiện trạng ổn định chia cho bà L 1/2 diện tích đất phía bên phải từ ngõ nhìn vào trên đất có 2/3 nhà cấp 4 mái ngói và 01 gian bếp bán mái lợp fibro ximăng; chia cho ông C 1/2 diện tích đất phía bên trái đường nhìn vào trên đất có 1/3 nhà cấp 4 mái ngói và 02 gian nhà bán mái lợp fibro ximăng phía sau có mái vẩy.

Khi xem xét, thẩm định tại chỗ xác định diện tích đo thực tế của thửa đất đang tranh chấp là 339,5m<sup>2</sup> nhỏ hơn diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, bà L, ông C xác định mốc giới từ thời điểm được giao quản lý, sử dụng không có gì thay đổi, không tranh chấp với các hộ liên kề nên không có ý kiến gì về diện tích bị hụt đi này so với diện tích được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- **Về tài sản là nhà ở và công trình gắn liền trên đất gồm:**

+ 01 nhà cấp 4 mái ngói, tường gạch 110, cao hơn 3m, nhà không có khu phụ xây năm 2000, trị giá: 2.263.000đ x 36,8m<sup>2</sup> x 5% = 4.163.920 đồng;

+ 01 nhà bán mái xây tường gạch ba banh lợp fibro ximăng, xây năm 2012, trị giá: 1.258.519đ x 26,3m<sup>2</sup> x 30% = 9.929.715 đồng;

+ 01 nhà bán mái 02 gian tường gạch ba banh lợp fibro ximăng, xây năm 2015, trị giá: 1.258.919 đ x 29,3m<sup>2</sup> x 70% = 25.812.225 đồng;

+ 01 mái vẩy làm tháng 9 năm 2018, trị giá: 276.767đ x 25m<sup>2</sup> x 100% = 6.906.675 đồng;



+ Tường gạch ba banh xây năm 2012, trị giá  $521.039đ \times 31,4m^2 \times 40\% = 6.548.418$  đồng;

+ Tường gạch chỉ, có bỗ trụ, xây năm 2015, trị giá:  $671.733đ \times 14,65m^2 \times 70\% = 6.888.622$  đồng;

+ 01 cổng sắt do gia đình mua cũ hết 1.000.000 đồng, giá trị còn lại:  $1.000.000đ \times 10\% = 100.000$  đồng;

+ Sân lát xi măng làm năm 2010, trị giá:  $139.000đ \times 161,5m^2 \times 60\% = 13.469.100$  đồng.

Đối với nhà cấp 4 lợp mái ngói xây dựng năm 2000 và sân lát xi măng làm năm 2010 lúc này các con còn nhỏ không có công sức đóng góp.

Đối với nhà bán mái xây gạch ba banh làm bếp xây năm 2012 do vợ chồng vay tiền từ quỹ hội nông dân nhưng sau đó ông C đứng ra trả nợ. Bà L – ông C đã ly thân từ năm 2011, bà L làm kinh tế riêng, ăn riêng nên không có công sức đóng góp tạo lập tài sản này.

Đối với các tài sản: 01 nhà bán mái 02 gian lợp fibro ximăng xây năm 2015; tường gạch ba banh xây năm 2012; tường gạch chỉ xây năm 2015; cổng sắt là những tài sản do ông C tạo lập; bà L không có công sức tạo lập các tài sản này.

#### **- Xét yêu cầu phân chia tài sản:**

Trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên về việc phân chia tài sản, xem xét về nguồn gốc hình thành tài sản, phân chia bằng hiện vật như sau:

Chia cho bà Đỗ Thị L  $\frac{1}{2}$  diện tích đất phía bên phải từ ngõ nhìn vào được giới hạn bởi các điểm (1,2, 21,18,12,13,14,15) diện tích  $169,7m^2$  có sơ đồ kèm theo, trị giá:  $1.500.000đ/m^2 \times 169,7m^2 = 254.550.000$  đồng và các tài sản trên diện tích đất được chia bao gồm:  $\frac{2}{3}$  nhà cấp 4 lợp mái ngói được giới hạn bởi các điểm (18,19,20,21), trị giá 2.760.860 đồng; 01 gian bếp lợp mái fibro ximăng trị giá 9.929.715 đồng; tường xây gạch ba banh giới hạn bởi các điểm (12,13,14) trị giá 3.488.877 đồng; sân lát xi măng trị giá 5.012.340 đồng; 01 cây xoài (không định giá). Tổng giá trị tài sản bà L nhận được là:  $254.550.000đ + 2.760.860đ + 9.929.715đ + 3.488.877đ + 5.012.340đ = 275.741.792$  đồng.

Chia cho ông Đỗ Huy C được  $\frac{1}{2}$  diện tích đất phía bên trái từ ngõ nhìn vào được giới hạn bởi các điểm (2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,18,21), diện tích  $169,8m^2$ , có sơ đồ kèm theo trị giá:  $1.500.000đ/m^2 \times 169,8m^2 = 254.700.000$  đồng và các tài sản trên diện tích đất được chia bao gồm:  $\frac{1}{3}$  nhà cấp 4 lợp mái ngói, được giới hạn bởi các điểm (16,17,18,21) trị giá 1.403.060 đồng; 01 nhà bán mái xây gạch ba banh 02 gian trị giá 25.812.225 đồng; 01 mái vẩy trị giá 6.906.675 đồng; tường xây gạch ba banh giới hạn bởi các điểm (10,11,12) trị giá 3.059.541 đồng; sân lát xi măng trị giá 8.456.760 đồng; tường xây gạch chỉ trị giá 6.888.622 đồng; 01 cổng sắt giá trị còn lại: 100.000 đồng; 01 cây xoài (không định giá). Tổng giá trị tài sản mà ông C nhận được là:  $254.700.000đ + 1.403.060đ + 25.812.225đ + 6.906.675đ + 3.059.541đ + 8.456.760đ + 6.888.622đ + 100.000đ = 307.326.883$  đồng.

Do ông C có công sức đóng góp tạo lập khối tài sản chung nhiều hơn bà L, do vậy ông C không phải thanh toán giá trị phần chênh lệch tài sản mà ông nhận được cho bà L.

Do bốn con chung của bà L - ông C không chứng minh được công sức đóng góp trong việc tạo lập khối tài sản chung và không yêu cầu thanh toán giá trị công sức tạo lập nên không xem xét giải quyết.

Để đảm bảo giá trị sử dụng của tài sản, theo quy định tại Điều 248, Điều 249 Bộ luật dân sự thì:

Vì kèo, khóa giang của gian nhà cấp 4 lợp mái ngói giao cho bà L và ông C được sử dụng chung. Nếu bên nào dỡ, cải tạo hoặc xây dựng mới phần nhà của mình thì phải để lại cho bên còn lại sử dụng. Bên nào có nhu cầu xây tường ngăn cách phần đất của mình được giao phải báo trước cho bên kia trong thời hạn là một tháng.

Bà L có trách nhiệm mở cổng ra ngõ xóm để làm lối đi riêng biệt.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà L và ông C có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh hoặc xin đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất thực tế được quyền sử dụng theo quyết định của bản án và theo quy định của Luật đất đai.

#### **[4] Về án phí:**

Bà L là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí tương ứng với phần giá trị tài sản được chia theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Đỗ Huy C, sinh năm 1957 nên theo Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều đ, Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, ông C thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được chia.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp quy định pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 33, 56, 59, 62, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều a Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 03/01/2001;

Căn cứ Điều 213, 219, 248, 249 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

**Xử:**

**1. Về hôn nhân:** Bà Đỗ Thị L được ly hôn ông Đỗ Huy C.

**2. Về con chung:** Bà L và ông C xác nhận có 04 con chung là: Anh Đỗ Huy K, sinh năm 1985; anh Đỗ Huy S, sinh năm 1988; chị Đỗ Thị X, sinh năm 1993; anh Đỗ Huy N, sinh năm 1997. Các con chung đều đã đến tuổi trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

**3. Về chia tài sản chung:**

**3.1. Xác nhận tài sản chung của bà Đỗ Thị L và ông Đỗ Huy C gồm có:**

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 5, diện tích 339,5m<sup>2</sup> (đo thực tế) tại xóm TR, thôn YK, xã ĐPY, huyện CM, Tp. Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 241502 được UBND huyện CM, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp ngày 28/11/2002 cho hộ ông Đỗ Huy C (Đỗ Duy C), giá trị quyền sử dụng đất là: **509.250.000 đồng**.

- Tài sản gắn liền trên đất bao gồm: 01 nhà cấp 4 lợp mái ngói diện tích 36,8m<sup>2</sup> trị giá 4.163.920 đồng; 01 nhà bán mái lợp mái fibro ximăng diện tích 26,3m<sup>2</sup> trị giá 9.929.715 đồng; 01 nhà bán mái hai gian lợp mái fibro xi măng diện tích 29,3m<sup>2</sup>, trị giá 25.812.225 đồng; 01 mái vẩy diện tích 25m<sup>2</sup> trị giá 6.906.675 đồng; tường gạch ba banh diện tích 31,4m<sup>2</sup> trị giá 6.548.418 đồng; tường xây gạch chỉ, có bỗ trụ diện tích 14,65m<sup>2</sup> trị giá 6.888.622 đồng; 01 cổng sắt trị giá 100.000 đồng; sân lát xi măng diện tích 161,5m<sup>2</sup> trị giá 13.469.100 đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là **73.818.675 đồng**.

**3.2. Phân chia tài sản chung bằng hiện vật và quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị L và ông Đỗ Huy C như sau:**

- Chia cho bà Đỗ Thị L ½ diện tích đất phía bên phải từ ngõ nhìn vào được giới hạn bởi các điểm (1,2,21,18,12,13,14,15) diện tích 169,7m<sup>2</sup> trị giá 254.550.000 đồng và các tài sản trên diện tích đất được chia bao gồm: 2/3 nhà cấp 4 được giới hạn bởi các điểm (18,19,20,21) trị giá 2.760.860 đồng; 01 gian bếp xây gạch ba banh lợp fibro ximăng trị giá 9.929.715 đồng; tường xây gạch ba banh giới hạn bởi các điểm (12,13,14) trị giá 3.488.877 đồng; sân lát xi măng trị giá 5.012.340 đồng; 01 cây xoài (không định giá). Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất chia cho bà L là: **275.741.792 đồng**.

- Chia cho ông Đỗ Huy C được ½ diện tích đất phía bên trái từ ngõ nhìn vào được giới hạn bởi các điểm (2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,18,21), diện tích 169,8m<sup>2</sup> trị giá 254.700.000 đồng và các tài sản trên diện tích đất được chia bao gồm: 1/3 nhà cấp 4 lợp mái ngói, được giới hạn bởi các điểm (16,17,18,21) trị giá: 1.403.060 đồng; 01 nhà bán mái xây gạch ba banh 02 gian lợp fibro ximăng trị giá 25.812.225 đồng; 01 mái vẩy trị giá 6.906.675 đồng; tường xây gạch ba banh giới hạn bởi các điểm (10,11,12), trị giá 3.059.541 đồng; sân lát xi măng trị giá 8.456.760 đồng; tường xây gạch chỉ trị giá 6.888.622 đồng; 01 cổng sắt trị

giá 100.000 đồng; 01 cây xoài (không định giá). Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất chia cho ông C là: **307.326.883** đồng.

( có sơ đồ phân chia xác định mốc giới, ranh giới cụ thể kèm theo bản án)

- Ông Đỗ Huy C không phải thanh toán chênh lệch khi phân chia tài sản chung cho bà Đỗ Thị L.

- Vì kèo, khóa giang của nhà cấp 4 lợp mái ngói giao cho bà L và ông C được sử dụng chung. Nếu bên nào dỡ, cải tạo hoặc xây dựng mới phần nhà của mình thì phải để lại cho bên còn lại sử dụng. Bên nào có nhu cầu xây tường ngăn cách phân đất của mình được giao phải báo trước cho bên kia trong thời hạn là một tháng.

- Bà Đỗ Thị L có trách nhiệm mở cổng ra ngõ xóm để làm lối đi riêng biệt.

- Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà L và ông C có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh hoặc xin đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất thực tế được quyền sử dụng theo quyết định của bản án và theo quy định của Luật đất đai.

**4. Về án phí:** Bà Đỗ Thị L phải chịu **300.000 đồng** án phí ly hôn sơ thẩm và **13.787.090 đồng** án phí chia tài sản khi ly hôn; đối trừ với số tiền **7.900.000 đồng** tạm ứng án phí bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội (theo biên lai số 0003403 ngày 29/5/2018), số tiền án phí bà L còn phải nộp là **6.187.090 đồng**.

Ông Đỗ Huy C được miễn nộp tiền án phí chia tài sản khi ly hôn.

**5.** Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Đỗ Huy K có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa (có đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận**

- Dương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã ĐPY, huyện CM (Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thế Lợi**

